

Bản án số: 121/2017/HSST

Ngày: 28/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Đạt
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Tống Thị Kim Điền
 2. Ông Nguyễn Hòa Bình
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đào Lê Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên

Ngày 28/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 146/2017/TLST - HS ngày 03 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đinh Văn T, sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; trú tại: 29/8 đường S, khu phố A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Đinh Văn A (đã chết) và bà Cao Thị B; tiền sự - tiền án: Không; nhân thân: Bản án số 1973/HSST ngày 18/11/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 20 (Hai mươi) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bị bắt tạm giam từ ngày 26/3/2017 (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Vũ Ngọc P sinh năm 1992; địa chỉ: T31B Cư xá H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
2. Bà Đinh Thị Kim H sinh năm 1978; địa chỉ: 29/8 đường S, khu phố A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).
3. Bà Đinh Thị Kim N sinh năm 1980; địa chỉ: 29/8 đường S, khu phố A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Đinh Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 26/3/2017, tại đường Nguyễn Lương Bằng, khu phố 1, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an Quận 7 bắt quả tang bị cáo đang tàng trữ 04 gói nylon chứa tinh thể không màu – nghi là chất ma túy.

Kết luận giám định số 684/KLGD - H ngày 24/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Tinh thể không màu trong 04 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Đinh Văn T và hình dấu Công an phường Tân Phú, Quận 7 gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,086g (một phẩy không tám năm sáu gam), loại Methamphetamine”.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, bị cáo khai nhận: Bị cáo nghiện ma túy khoảng 03 tháng. Ngày 26/3/2017 bị cáo điều khiển chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha, loại Luvias đến công viên 23 tháng 9, Quận 1 mua 04 gói ma túy của một người đàn ông tên Tuấn (không rõ lai lịch) với giá 800.000 đồng để sử dụng. Trên đường đem ma túy về nhà thì bị bắt quả tang.

Bản cáo trạng số 143/CTr-VKS ngày 29/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng theo khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Bị cáo khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bà Đinh Thị Kim H, bà Đinh Thị Kim N,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 7, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định số 684/KLGD - H ngày 24/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 26/3/2017, bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 1,086g (một phẩy không tám năm sáu gam) ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine. Bị cáo tàng trữ khối lượng ma túy này để sử dụng nhưng đã bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy,

Tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”; còn tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Như vậy, áp dụng Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có lợi hơn cho bị cáo, bởi vì: Quy định này có khung hình phạt nhẹ hơn quy định của Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về áp dụng các quy định có lợi hơn cho bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, tinh vi, nguy hiểm cho xã hội vì tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng để có ma túy để thỏa mãn cơn nghiện nên đã phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu (đã bị kết án về tội “Cướp giật tài sản” nhưng đã được xóa án tích). Xét, cần phải xử lý nghiêm bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đối với người đàn ông tên Tuấn đã bán ma túy cho bị cáo thì Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Xử lý vật chứng vụ án:

- 01 gói niêm phong vụ 684/17/Q7 bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Quốc Ca, bên trong có khối lượng ma túy thu giữ của bị

cáo: đây là vật cấm lưu hành trái phép, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sony màu đen và số tiền 3.000.000 đồng: Đây là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha, loại Luvias, không gắn biển số; Số khung K10EY-012112, số máy 1SK1-012113 thu giữ của bị cáo. Kết quả điều tra xác định: Xe có nguồn gốc do bà Vũ Ngọc P làm chủ sở hữu, có biển số đăng ký là 59C1 - 470.45. Bà P đã ủy quyền hợp pháp cho bà Đinh Thị Kim N được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt xe (Hợp đồng ủy quyền do Văn phòng công chứng Bến Nghé chứng nhận số 017580, Quyền số 12/2015/HĐGD -CCBN ngày 24/12/2015). Sau đó, bà N đại diện theo ủy quyền đã bán xe cho bà Đinh Thị Kim H (Hợp đồng mua bán xe do Văn phòng công chứng Tân Thuận chứng nhận số 00005021, Quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2017). Việc mua bán xe chưa làm thủ tục sang tên chuyển quyền sở hữu. Bà H cho bị cáo mượn xe nhưng không biết bị cáo dùng làm phương tiện đi mua ma túy. Vì vậy, xét trả lại xe cho bà H.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7, Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2017.

2. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong vụ 684/17/Q7 bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Quốc Ca, bên trong có khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo Đinh Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Đinh Văn T: 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Sony màu đen và số tiền 3.000.000 đồng.

- Trả lại cho bà Đinh Thị Kim H 01 (Một) chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha, loại Luvias, không gắn biển số (có gắn biển xin biển số), số khung K10EY-012112, số máy 1SK1-012113.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 120 ngày 29/6/2017 và Giấy nộp tiền vào tài khoản Công an Quận 7 tại Kho bạc Nhà nước Quận 7 ngày 30/3/2017).

3. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đinh Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Đinh Văn T, bà Đinh Thị Kim H, bà Đinh Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Vũ Ngọc P (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Quận 7;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu sơ án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Quốc Đạt